

Phụ lục số 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND phường Nghĩa Lộ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2025				Giải ngân đến ngày 15/12/2025				Thực hiện	Ước giải ngân đến ngày 31/12/2025				Thực hiện	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số	Trong đó:			Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó				Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó					
					Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước	Vốn tính phân cấp	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Vốn khác (tặng thu, TKC...)	Vốn tính phân cấp	Vốn đất huyện			Vốn khác (tặng thu, TKC...)	Vốn tính phân cấp	Vốn đất huyện			Vốn khác (tặng thu, TKC...)
	TỔNG CỘNG				14.063,444	-	-	14.063,444	1.947,122	1.597,122	350,000	-	1.773,404	1.597,122	176,282	-	91,08%	1.947,122	1.597,122	350,000	-	100%	
-	Bổ trí trả nợ quyết toán				7.586,010	-	-	7.586,010	1.269,688	1.269,688	-	-	1.269,69	1.269,69	-	-	100%	1.269,69	1.269,69	-	-	100%	
1	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn phường Lê Hồng Phong	Văn phòng HĐND&UBND phường Nghĩa Lộ	2023-2024	7360/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	2.000,000			2.000,000	13,260	13,260			13,260	13,260		100%	13,260	13,260			100%		
2	Nâng cấp, sửa chữa các Điểm sinh hoạt văn hóa trên địa bàn phường Trần Phú	Văn phòng HĐND&UBND phường Nghĩa Lộ	2024-2025	169/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	1.086,010			1.086,010	605,566	605,566			605,566	605,566		100%	605,566	605,566			100%		
3	Nâng cấp, sửa chữa các điểm sinh hoạt văn hóa trên địa bàn phường Nghĩa Lộ	Văn phòng HĐND&UBND phường Nghĩa Lộ	2024-2025	6181/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	1.600,000			1.600,000	477,351	477,351			477,351	477,351		100%	477,351	477,351			100%		
4	Cải tạo, sửa chữa các điểm sinh hoạt văn hóa trên địa bàn phường Lê Hồng Phong	Văn phòng HĐND&UBND phường Nghĩa Lộ	2024-2025	5500/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	1.400,000			1.400,000	108,615	108,615			108,615	108,615		100%	108,615	108,615			100%		
5	Sửa chữa, cải tạo các điểm sinh hoạt văn hóa trên địa bàn phường Quảng Phú	Văn phòng HĐND&UBND phường Nghĩa Lộ	2024-2025	4341/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	1.500,000			1.500,000	64,896	64,896			64,896	64,896		100%	64,896	64,896			100%		
-	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025				702,874	-	-	702,874	352,874	2,874	350,000	-	179,156	2,874	176,282	51%	352,874	2,874	350,000		100%		
6	Xây dựng mới Nhà văn hóa tổ 05	Văn phòng HĐND&UBND phường Nghĩa Lộ	2024-	5434/QĐ-UBND 02/12/2024	702,874			702,874	352,874	2,874	350,000		179,156	2,874	176,282	51%	352,874	2,874	350,000		100%	đã QT chi phí CBĐT	
-	Dự án thực hiện CBĐT (chưa bổ trí vốn thực hiện)				5.774,560	-	-	5.774,560	324,560	324,560	-	-	324,560	324,560	-	100%	324,560	324,560	-		100%		
7	Xây dựng mới Nhà văn hóa tổ 01	Văn phòng HĐND&UBND phường Nghĩa Lộ		325/QĐ-UBND 23/01/2025	742,013			742,013	42,013	42,013			42,013	42,013		100%	42,013	42,013			100%	đã QT chi phí CBĐT	
8	Xây dựng mới Nhà văn hóa tổ 2	Văn phòng HĐND&UBND phường Nghĩa Lộ		6010/QĐ-UBND 24/12/2024	743,691			743,691	43,691	43,691			43,691	43,691		100%	43,691	43,691			100%	đã QT chi phí CBĐT	
9	Xây dựng mới Nhà văn hóa tổ 4	Văn phòng HĐND&UBND phường Nghĩa Lộ		6009/QĐ-UBND 24/12/2024	743,449			743,449	43,449	43,449			43,449	43,449		100%	43,449	43,449			100%	đã QT chi phí CBĐT	
10	Xây dựng mới Nhà văn hóa tổ 7	Văn phòng HĐND&UBND phường Nghĩa Lộ		6011/QĐ-UBND 24/12/2024	746,181			746,181	46,181	46,181			46,181	46,181		100%	46,181	46,181			100%	đã QT chi phí CBĐT	
11	Xây dựng mới Nhà văn hóa tổ 8	Văn phòng HĐND&UBND phường Nghĩa Lộ		6008/QĐ-UBND 24/12/2024	743,478			743,478	43,478	43,478			43,478	43,478		100%	43,478	43,478			100%	đã QT chi phí CBĐT	
12	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở làm việc UBND phường Nghĩa Lộ	Văn phòng HĐND&UBND phường Nghĩa Lộ		182/QĐ-UBND 13/01/2025	2.055,748			2.055,748	105,748	105,748			105,748	105,748		100%	105,748	105,748			100%	đã QT chi phí CBĐT	

Phụ lục số 02
NGUỒN THU PHỤC VỤ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND phường Nghĩa Lộ
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung nguồn thu	Dự toán tính giao	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	NGUỒN THU PHỤC VỤ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	20.100	
I	Nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn	16.245	
II	Nguồn phân cấp	2.850	
III	Tiết kiệm chi 5%	1.005	

Phụ lục số 03
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (DỰ KIẾN)
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND phường Nghĩa Lộ

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung thực hiện	Số dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch đầu tư công năm 2026				Ghi chú
			Tổng cộng	NS phường	Tổng cộng	Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tiết kiệm 5%	
	TỔNG CỘNG				20.100	2.850	16.245	1.005	
I	Phân bổ thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2026	8	44.000	44.000	370	370	0		
II	Phân bổ khi đảm bảo điều kiện (bố trí dự án thực hiện khởi công mới năm 2026)				18.495	2.250	16.245		
III	Phân bổ thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến đầu tư năm 2027				230	230			
IV	Tiết kiệm 5%				1.005				

Phụ lục số 04
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (DỰ KIẾN)
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND phường Nghĩa Lộ

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh dự án (nếu có)			Tổng mức đầu tư điều chỉnh sau khi khảo sát, đánh giá hiện trạng	Quy mô thực hiện	Kế hoạch đầu tư công năm 2026				Ghi chú
				Số Quyết định (nếu có)	Tổng mức đầu tư	NS phường			Tổng cộng	Ngân sách phường			
										Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tiết kiệm chi 5%	
	TỔNG CỘNG				44.000	44.000	32.269	0	20.100	2.850	16.245	1.005	
I	Phân bổ thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2026				44.000	44.000	32.269		370	370	0		
1	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn (từ Tờ 1 đến Tờ 4)	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		10.000	10.000	6.821	L=3005 m; 23 tuyến	50	50			
2	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn (từ Tờ 9 đến Tờ 12)	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		5.000	5.000	3.588	L=1125 m; 06 tuyến	50	50			
3	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn (từ Tờ 13 đến Tờ 18)	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		6.000	6.000	5.171	L=2660 m; 18 tuyến	50	50			
4	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn (từ Tờ 5 đến Tờ 8)	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		5.000	5.000	3.410	L=1725 m; 08 tuyến	50	50			
5	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn (từ Tờ 19 đến Tờ 28)	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		4.000	4.000	5.484	L=1185 m; 06 tuyến	50	50			
6	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn (từ Tờ 29 đến Tờ 34)	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		5.000	5.000	627	L=205 m; 02 tuyến	20	20			
7	Lắp đặt điện chiếu sáng trên địa bàn phường	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		5.000	5.000	3.168	26 tuyến	50	50			

STT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh dự án (nếu có)			Tổng mức đầu tư điều chỉnh sau khi khảo sát, đánh giá hiện trạng	Quy mô thực hiện	Kế hoạch đầu tư công năm 2026				Ghi chú
				Số Quyết định (nếu có)	Tổng mức đầu tư	NS phường			Tổng cộng	Ngân sách phường			
										Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tiết kiệm chi 5%	
8	Sửa chữa một số hạng mục Chợ Ông Bó	2026-2027	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		4.000	4.000	4.000	Sửa chữa 2 khối nhà lồng. Thay mái tole, xà gỗ, quét vôi lãn sơn, đổ bê tông nền 2 nhà lồng,hệ thống điện (S=600M2); xây mới 1 nhà lồng phía sau 16 lô quầy (KT 8.8m x30m); xây mới 2 nhà lồng phía trước 10 lô quầy (8.8*20m); đổ bê tông nền toàn bộ, tường rào cổng ngõ; nhà vệ sinh xây mới (70 m2); xây mới nhà bảo vệ	50	50			
II	Phân bổ khi đảm bảo điều kiện (bố trí dự án thực hiện khởi công mới năm 2026)								18.495	2.250	16.245		
III	Phân bổ thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến đầu tư năm 2027								230	230			
IV	Tiết kiệm 5%								1.005				